CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cơ khí Lắp máy Lilama

Ngày 31/12/2024	6,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**113.8**	**63.2%**

DT thuần
Q4/24
25.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.6| 132%

LN thuần
Q4/24
0.17
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.40| 108%

LN sau thuế
Q4/24
0.07
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.48| 102%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

ROE
2024

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 6,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20
Số lượng CPLH (CP)	3,265,155
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.68
EPS	
P/E	

DT thuần
2024
tỷ VNĐ

LN thuần
2024
tỷ VNĐ

LN sau thuế
2024
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

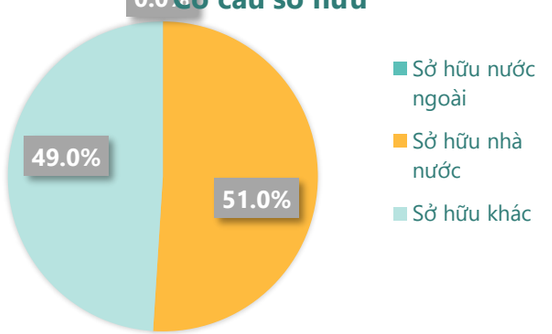

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

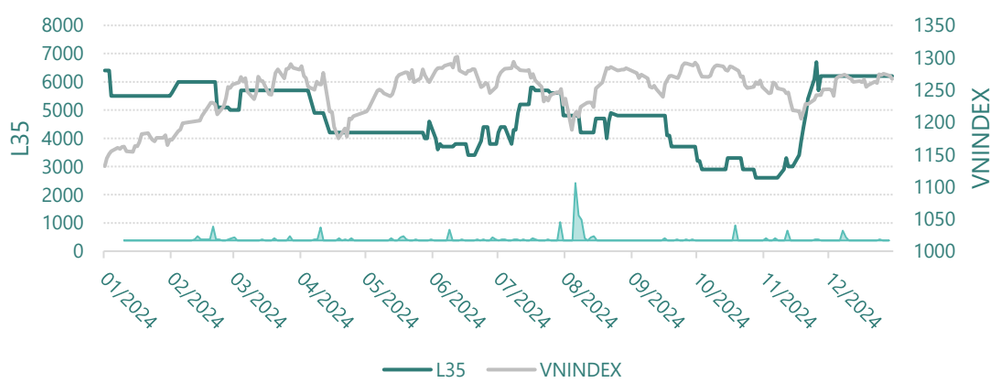

Cơ cấu cổ đông

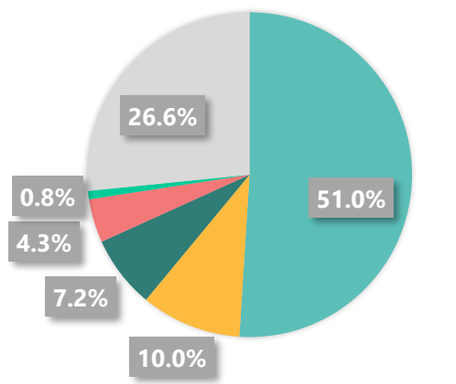

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

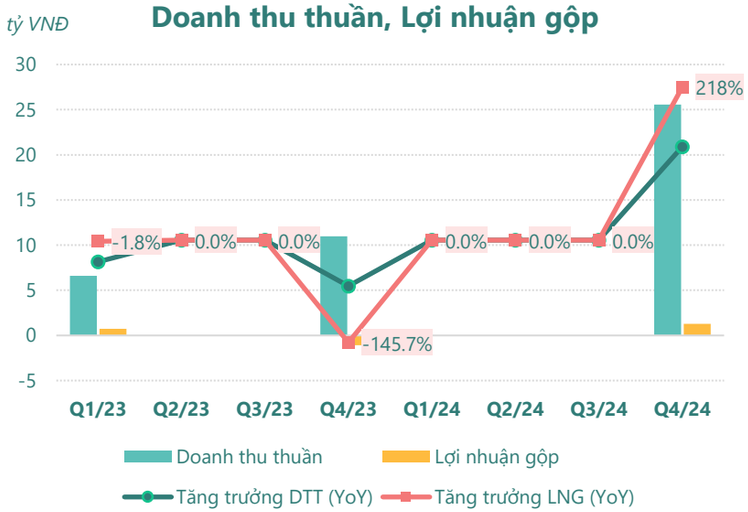

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

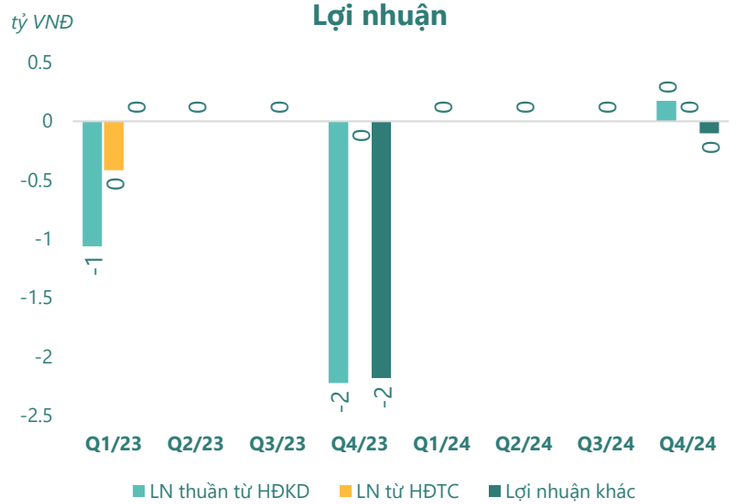

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

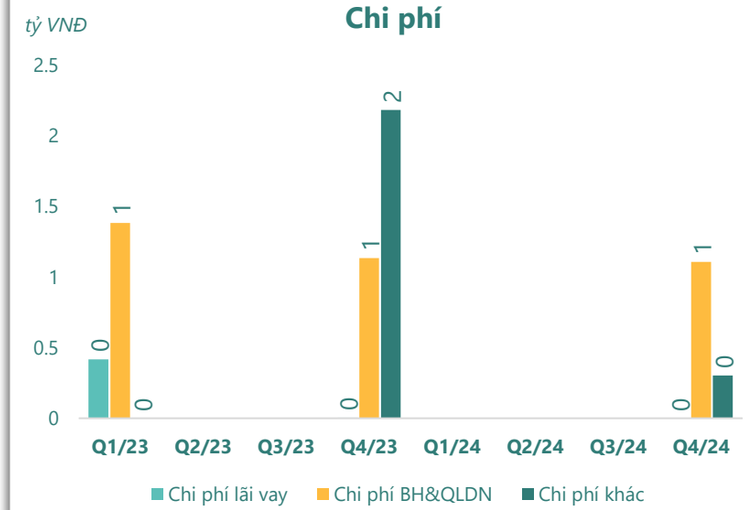

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

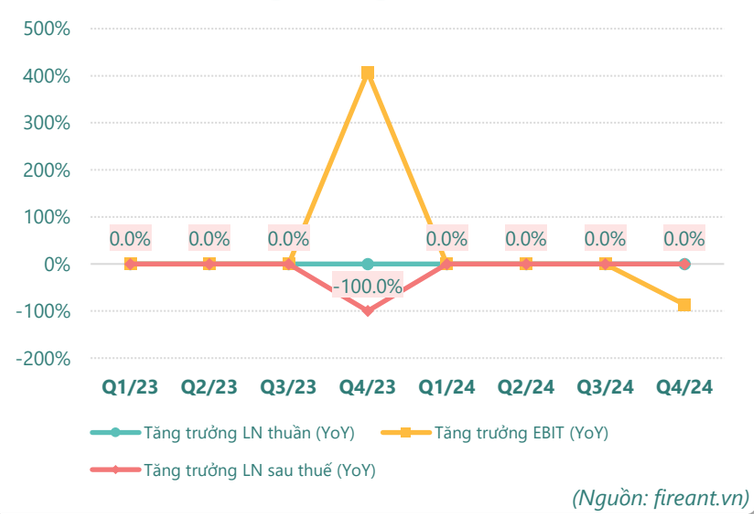

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

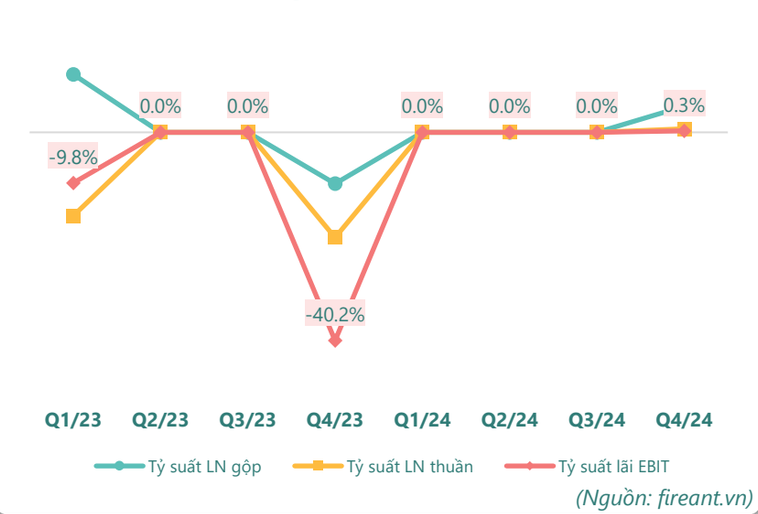

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

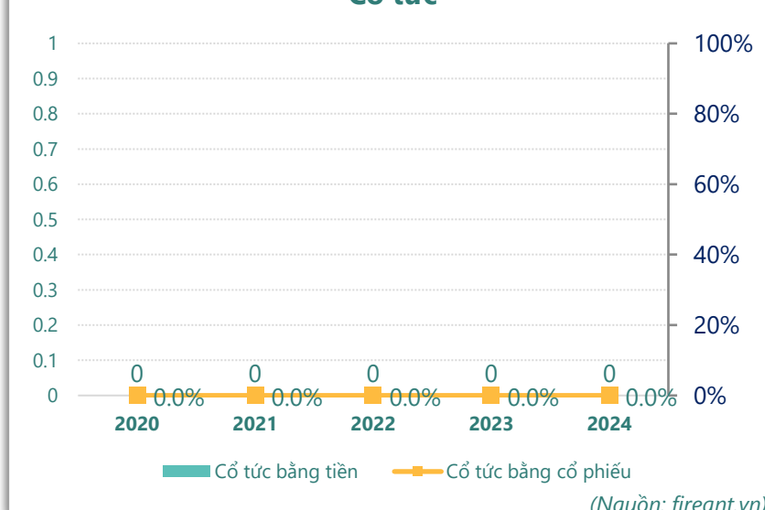

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

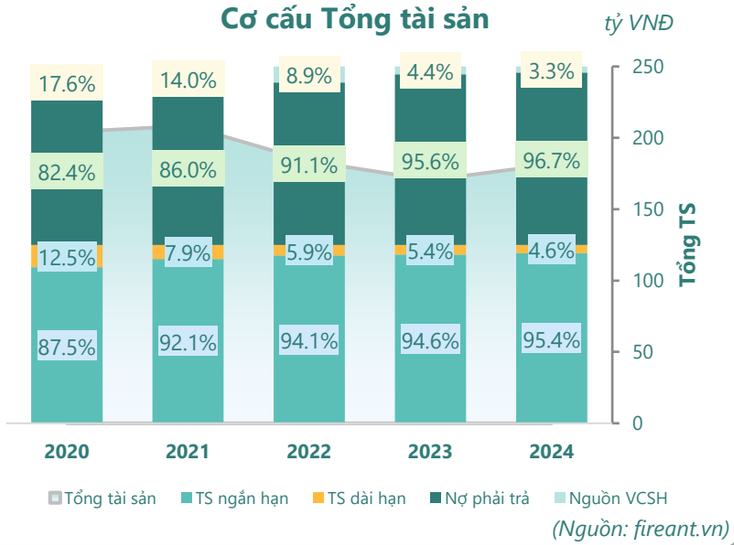

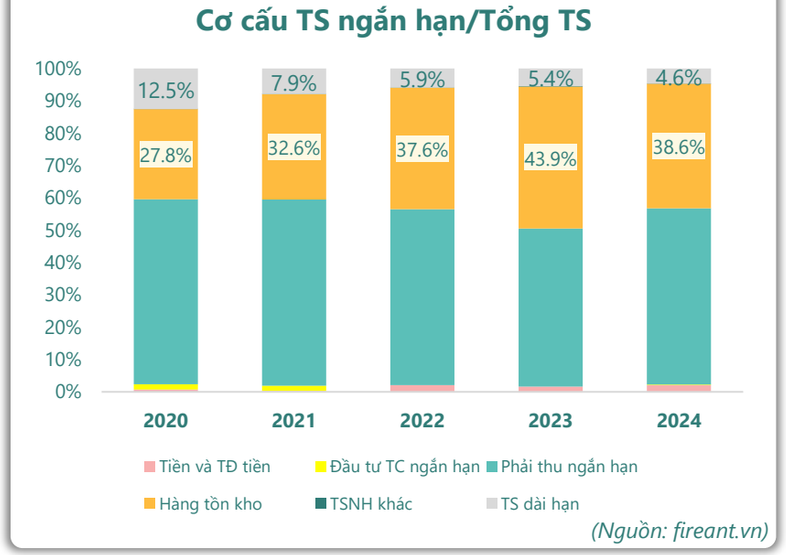

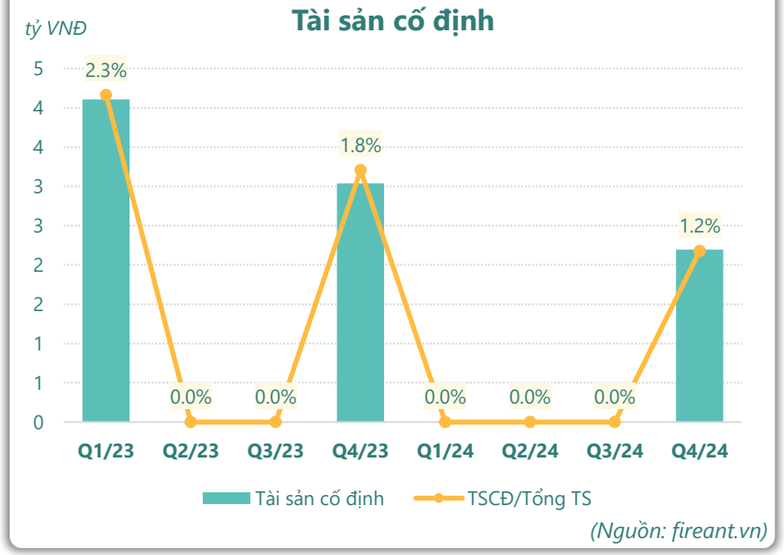

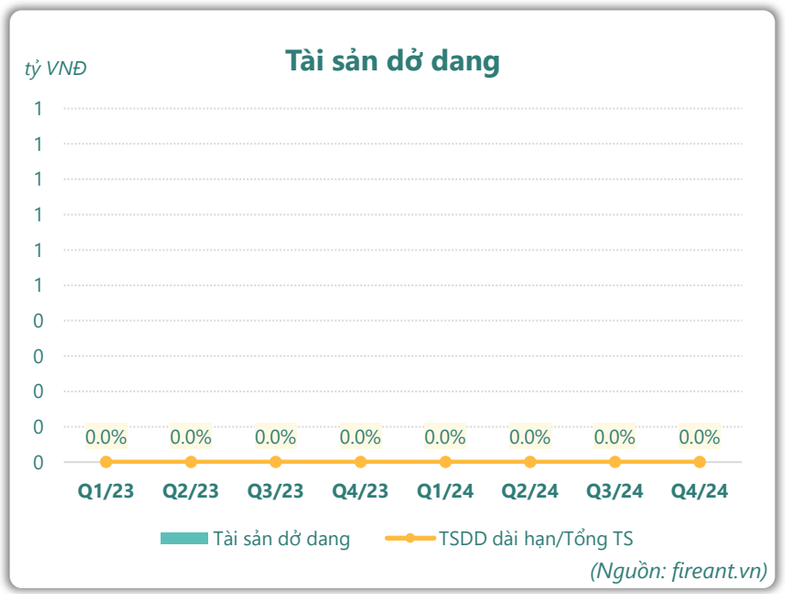

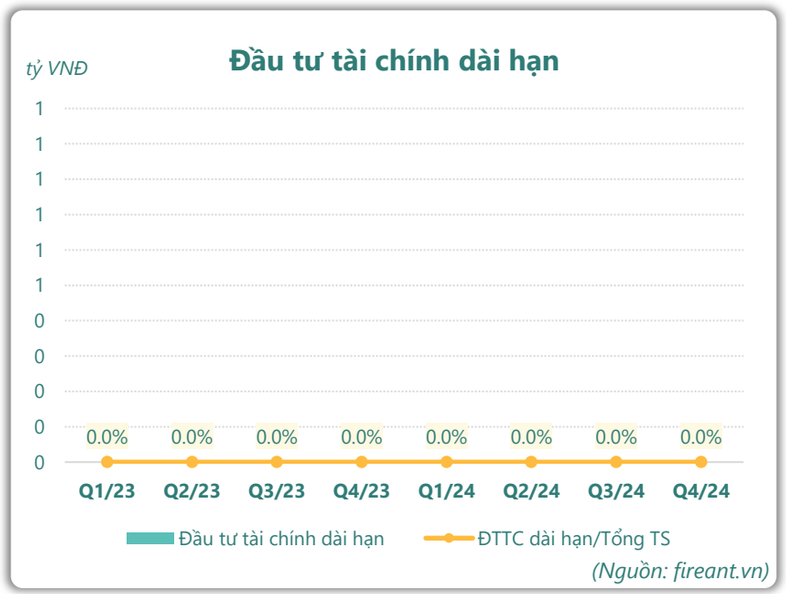

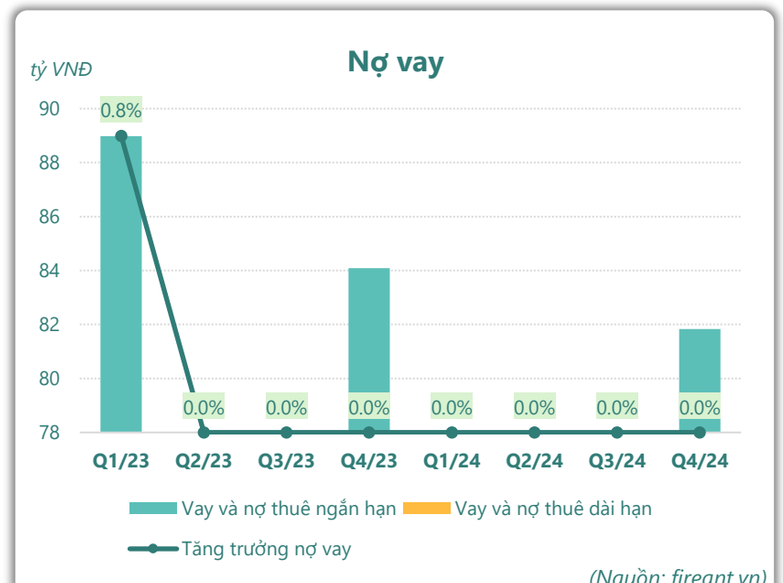

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

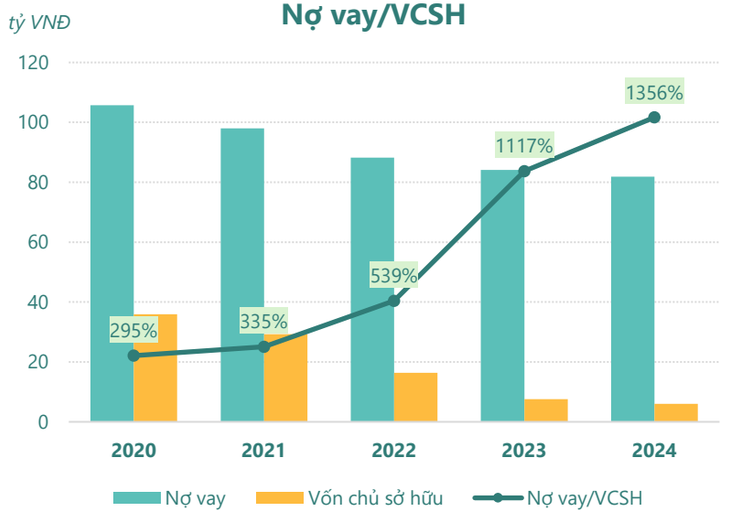

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

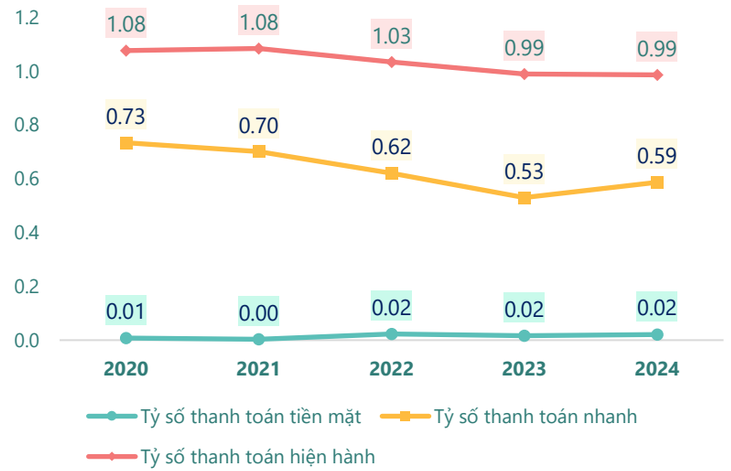

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

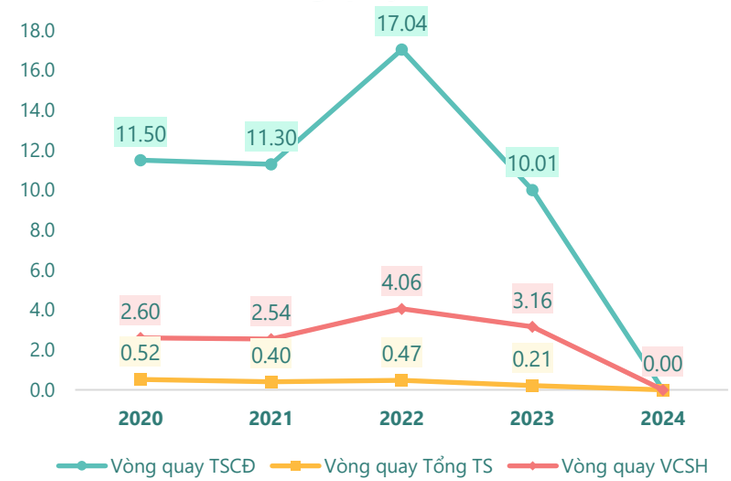

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

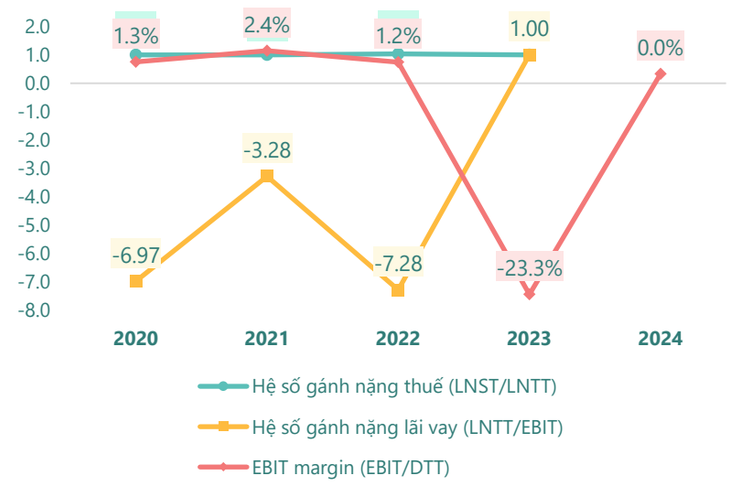

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

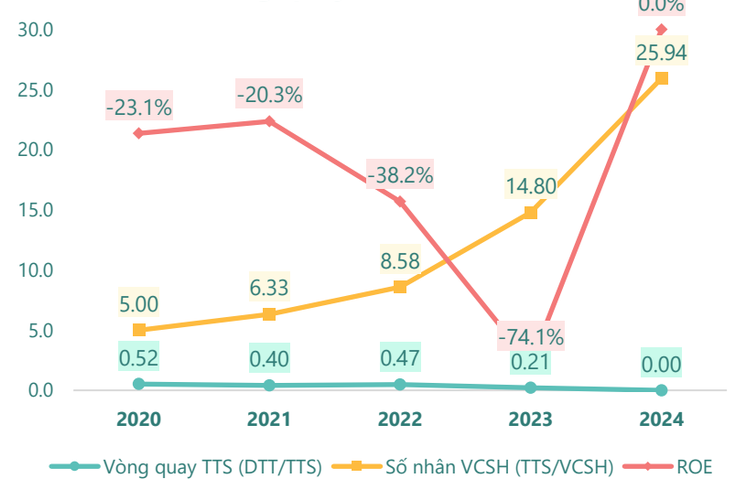

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

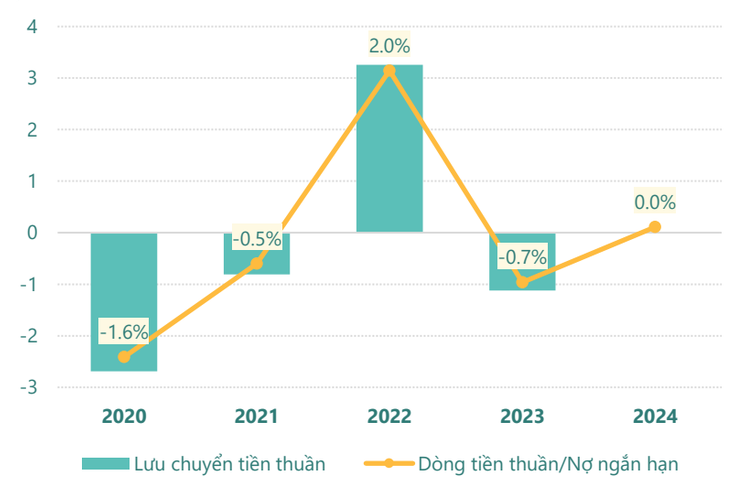

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**25.6**	**11.0**	**132%**		**37.8**	
Giá vốn hàng bán	24.3	12.0	102%		40.2	
Lợi nhuận gộp	1.28	-1.09	218%		-2.35	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00			0.01	
Chi phí TC	0	0.00			0.03	
Chi phí lãi vay	0	0.00			0.03	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**			**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00			0	
Chi phí QLDN	**1.11**	**1.13**	**-2.0%**		**5.49**	
LN thuần từ HĐKD	0.17	-2.23	108%		-7.87	
Lợi nhuận khác	**-0.10**	**-2.18**	**95.3%**		**-0.99**	
LN trước thuế	0.07	-4.41	102%		-8.85	
Lợi nhuận sau thuế	**0.07**	**-4.41**	**102%**		**-8.85**	
LNST của CĐ cty mẹ	**0.07**	**-4.41**	**102%**		**-8.85**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**181**	**170**	**6.4%**
Tài sản ngắn hạn	173	161	7.3%
Tiền và tương đương tiền	3.71	2.72	36.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.45	0	
Phải thu ngắn hạn	98.8	83.4	18.4%
Hàng tồn kho	70.0	74.8	-6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.22	-74.9%
Tài sản dài hạn	**8.41**	**9.25**	**-9.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.19	3.04	-27.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.21**	**6.21**	**0.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	175	163	7.6%
Nợ ngắn hạn	**175**	**163**	**7.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	81.8	84.1	-2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.5	24.0	19.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6.04**	**7.53**	**-19.8%**
Vốn chủ sở hữu	**6.04**	**7.53**	**-19.8%**
Vốn điều lệ	32.7	32.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)